

CÔNG TÁC GIA ĐÌNH HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NINH THỊ THU HƯƠNG^(*)

Phân loại ngành: Văn hóa-Nghệ thuật-Thể dục thể thao

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích thực trạng công tác gia đình ở Việt Nam trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi và chuyển đổi số đã và đang diễn ra sâu rộng đến gia đình. Trên cơ sở tổng quan các văn bản pháp luật, chính sách và báo cáo chuyên ngành, cho thấy công tác gia đình đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại hạn chế nhất định. Mặt khác, những biến đổi về cấu trúc, chức năng của gia đình, tình trạng ly hôn, bạo lực gia đình và môi trường mạng đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với công tác gia đình. Trước thực tiễn đó, bài viết đề xuất các định hướng đổi mới quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước (QLNN) về gia đình trong giai đoạn mới góp phần xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Từ khóa: *Bạo lực gia đình; Chính sách gia đình; Chuyển đổi số; Công tác gia đình; Gia đình Việt Nam.*

CURRENT FAMILY AFFAIRS: CURRENT SITUATION AND ISSUES RAISED

Abstract: This article examines the current state of family affairs in Viet Nam in the context of ongoing social transformation and digitalization. Drawing on a review of legal documents, policy frameworks, and sectoral reports, the study finds that family affairs have achieved significant progress, however, there are still certain limitations. In addition, changes in family structure, rising divorce rates, the persistence of domestic violence, and the growing influence of the digital environment have created new challenges for family affairs and governance. In response to these emerging issues, the article proposes several policy directions, to improve the effectiveness and efficiency of state management of family affairs and contribute to the development of prosperous, progressive, happy, and civilized Vietnamese families in the new era.

Keywords: *Digital transformation; Domestic violence; Family affairs; Family policy; Vietnamese family.*

Ngày nhận bài: 15/4/2026; Ngày gửi phản biện: 16/4/2026; Ngày sửa chữa: 28/5/2026; Ngày duyệt đăng bài: 08/6/2026.

1. Đặt vấn đề

Gia đình là thiết chế xã hội nền tảng, giữ vai trò quan trọng trong giáo dục con người, bảo tồn giá trị văn hóa và bảo đảm ổn định xã hội. Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, gia đình Việt Nam đang có nhiều biến đổi sâu sắc về cấu trúc, chức năng và hệ giá trị. Những biến đổi này vừa tạo ra cơ hội phát triển, vừa đặt ra nhiều thách thức như bạo lực gia đình (BLGD), áp lực chăm sóc người cao tuổi,

^(*) Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

khoảng cách thế hệ và suy giảm một số giá trị truyền thống. Điều đó đặt ra nhiều thách thức mới đối với công tác gia đình hiện nay.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác gia đình không chỉ góp phần xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh mà còn tạo nền tảng cho phát triển con người, củng cố sự gắn kết xã hội và bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Quan điểm này cũng được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khi nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Xác định rõ vai trò của gia đình đối với sự phát triển bền vững đất nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm xây dựng gia đình Việt Nam “no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”. Công tác gia đình sau gần 25 năm hình thành, phát triển đã từng bước hoàn thiện về thể chế, tổ chức bộ máy và cơ chế thực hiện. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn bộc lộ nhiều hạn chế như nguồn lực còn thiếu, đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm, cơ chế phối hợp chưa đồng bộ và khả năng thích ứng với các vấn đề mới còn hạn chế.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích thực trạng công tác gia đình, những khó khăn, thách thức trong bối cảnh biến đổi xã hội và chuyển đổi số; đồng thời đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác gia đình trong giai đoạn mới.

2. Khái niệm và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Gia đình về pháp lý được hiểu “là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của pháp luật.” (Quốc hội, 2014). Công tác gia đình là hệ thống các hoạt động quản lý, tuyên truyền, hỗ trợ và kiểm tra nhằm hướng tới xây dựng gia đình bền vững (Chính phủ, 03/01/2013; 28/02/2025; 2025). Bài viết tập trung tiếp cận công tác gia đình trên hai chiều cạnh chính: (i) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật; (ii) Phát triển nguồn nhân lực.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan và phân tích tài liệu thứ cấp nhằm làm rõ thực trạng, kết quả và những vấn đề đặt ra trong công tác gia đình ở Việt Nam hiện nay. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ ba nhóm nguồn chính: (i) hệ thống văn bản của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác gia đình; (ii) các báo cáo, số liệu thống kê và tài liệu chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan QLNN có liên quan; (iii) các công trình nghiên cứu, bài báo khoa học trong và ngoài nước về gia đình.

3. Những phát hiện chính

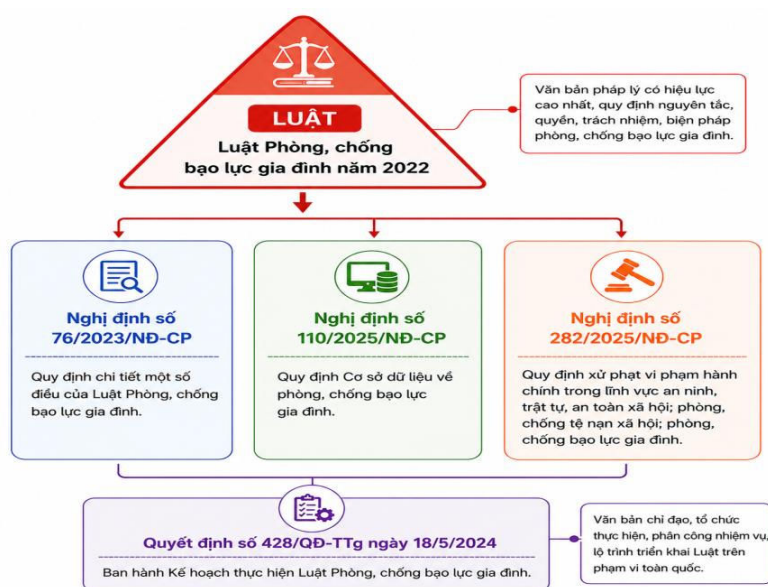
3.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về công tác gia đình

Sau gần 25 năm xây dựng và phát triển, hệ thống chính sách, pháp luật về công tác gia đình tại Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu xây dựng gia đình trong bối cảnh mới. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với vai trò là cơ quan QLNN về gia đình đã tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền hệ thống văn bản điều hành toàn diện, tập trung vào hai nhiệm vụ cốt lõi: xây dựng hệ giá trị gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD).

Đối với nhiệm vụ xây dựng hệ giá trị gia đình, việc triển khai Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định số 2238/QĐ-TTg) cùng Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình (Quyết định số 96/QĐ-TTg) đã tạo lập khung chính sách vĩ mô vững chắc. Khung chính sách này được vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, hằng năm, Bộ hướng dẫn công tác này cho các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác gia đình, đồng thời hướng dẫn triển khai các chương trình, kế hoạch để tạo sự đồng bộ cho công tác gia đình ở cơ sở.

Trong lĩnh vực PCBLGD, dấu mốc hoàn thiện thể chế quan trọng nhất là việc Quốc hội ban hành Luật PCBLGD năm 2022 để thay thế cho Luật PCBLGD năm 2007. Đây là một bước tiến lớn trong lập pháp khi chuyển dịch mạnh mẽ sang cách tiếp cận lấy người bị bạo lực làm trung tâm, chú trọng nhóm giải pháp phòng ngừa xã hội và tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cơ sở. Nhằm bảo đảm hiệu lực thi hành, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết (như Nghị định số 76/2023/NĐ-CP, Nghị định số 110/2025/NĐ-CP, Nghị định số 282/2025/NĐ-CP và Quyết định số 428/QĐ-TTg), tạo lập một hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bao quát từ quy định chế tài đến hướng dẫn thực thi.

Hình 1: Hệ thống văn bản về PCBLGD ở Việt Nam



Nguồn: Tác giả xây dựng dựa trên các văn bản đã ban hành.

Công tác tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật được triển khai qua 3 nhóm nhiệm vụ chính: truyền thông thay đổi hành vi, xây dựng mô hình can thiệp và cơ chế phối hợp liên ngành.

Về truyền thông, phổ biến pháp luật được đa dạng hóa kênh thông tin, hướng tới các nhóm đối tượng đặc thù - đặc biệt là nam giới nhằm thúc đẩy sự chia sẻ trách nhiệm trong gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2025). Thống kê cho thấy, năm 2023 - 2024, có khoảng 15.000 chương trình, phóng sự về PCBLGD được phát sóng định kỳ trên các

kênh truyền thông quốc gia và địa phương; đồng thời công tác tuyên truyền trực quan được triển khai tại 100% xã, phường, thị trấn vào các đợt cao điểm. Kết quả đã nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân, cung cấp các kỹ năng cần thiết để thành viên gia đình chủ động phòng ngừa rủi ro, bạo lực và tệ nạn xã hội (Chính phủ, 2025).

Bên cạnh đẩy mạnh truyền thông, việc xây dựng các mô hình can thiệp ở cộng đồng cũng được chú trọng, đến nay 100% tỉnh, thành phố đang duy trì ít nhất một mô hình gia đình hạnh phúc. Cụ thể, toàn quốc hiện ghi nhận 12.000 mô hình chuyên biệt, gần 39.000 nhóm PCBLGD, khoảng 50.000 “địa chỉ tin cậy” và hơn 23.000 đường dây nóng hoạt động liên tục để tiếp nhận, xử lý thông tin BLGD (Chính phủ, 2025). Mặc dù đạt kết quả tích cực về số lượng, song việc duy trì và nâng cao chất lượng vận hành của các mô hình này hiện đang vấp phải rào cản lớn do sự hạn chế về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và năng lực điều phối liên ngành tại cơ sở.

Cơ chế phối hợp liên ngành đang ngày càng hoàn thiện. Ban Chỉ đạo công tác gia đình đã được kiện toàn đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã ngay sau khi địa phương không còn cấp huyện nhằm vận hành Ban chỉ đạo thích ứng với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2025). Các chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Bộ Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Người cao tuổi, cùng các tổ chức quốc tế như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) bước đầu đạt hiệu quả trong công tác gia đình hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Tuy nhiên, thực tế vận hành cơ chế liên ngành vẫn bộc lộ hạn chế khi sự phối hợp giữa các ngành thành viên nhiều nơi còn mang tính hình thức, chưa được duy trì thường xuyên. Mặt khác, vẫn còn tâm lý coi công tác gia đình là nhiệm vụ chuyên biệt của riêng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hình 2: Mô hình ban chỉ đạo công tác gia đình

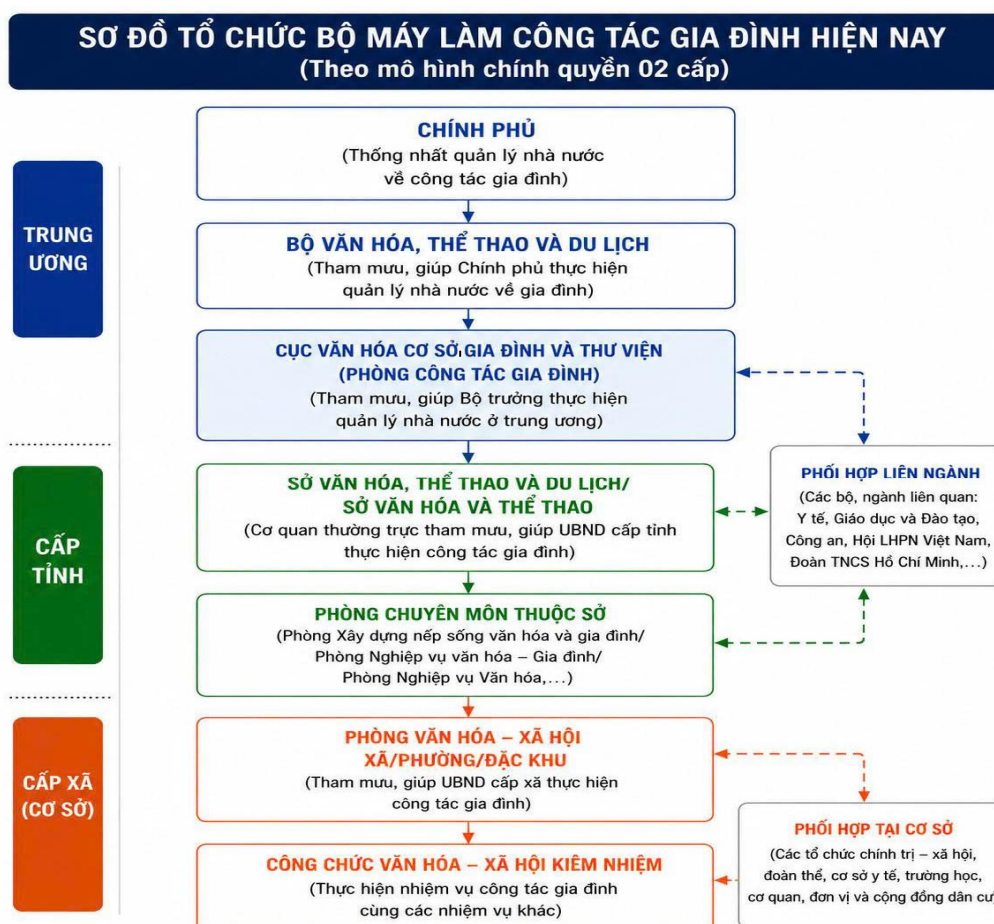


Nguồn: Tác giả xây dựng dựa trên nội dung Công văn số 4602/BVHTTDL-VHCSGĐTV của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.2. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực làm công tác QLNN về gia đình

Hệ thống tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực QLNN về gia đình tại Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn thay đổi, gắn liền với tiến trình cải cách hành chính và hoàn thiện thể chế xã hội. Trước năm 2002, công tác gia đình chủ yếu được lồng ghép trong các chính sách chung về dân số và trẻ em mà chưa hình thành bộ máy chuyên trách. Bước ngoặt thể chế diễn ra vào tháng 8/2002, khi Quốc hội khóa XI thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em là cơ quan ngang Bộ, đặt nền móng cho việc xây dựng hệ thống quản lý đồng bộ từ trung ương đến địa phương theo Nghị định số 94/2002/NĐ-CP. Đến tháng 8/2007, bộ máy này được giải thể và chuyển nguyên trạng chức năng QLNN về gia đình sang ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ở cấp trung ương, đơn vị tham mưu được duy trì theo mô hình Vụ chuyên môn; ở cấp tỉnh, nhiệm vụ được giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao thông qua các phòng chuyên môn riêng biệt hoặc lồng ghép. Ở cấp huyện đặt công tác này đặt trong Phòng Văn hóa và Thông tin. Ở cấp xã được giao cho công chức văn hóa - xã hội đảm nhiệm.

Hình 3: Sơ đồ tổ chức bộ máy làm công tác gia đình



Nguồn: Tác giả xây dựng dựa trên thực tiễn triển khai.

Năm 2025, trước yêu cầu tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đơn vị hành chính cấp xã được cấu trúc toàn diện. Ở cấp trung ương, công tác gia đình được đặt trong Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện. Ở cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan thường trực, giao các phòng chuyên môn (Phòng Nếp sống văn hóa và Gia đình hoặc Phòng Quản lý văn hóa và Gia đình) tham mưu thực hiện. Ở cấp xã, việc thành lập các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó có Phòng Văn hóa - Xã hội đã thay thế hoàn toàn cho cơ chế vận hành so với trước đây. Sự thay đổi này không đơn thuần mang tính cơ học, mà là quá trình phân định lại thẩm quyền pháp lý, chuyển dịch trọng tâm QLNN về gia đình từ cấp huyện về cấp xã để bảo đảm việc gần với thực tiễn đời sống gia đình.

Sự thay đổi liên tục về đầu mối quản lý đã dẫn đến những biến động lớn về nguồn nhân lực, đặc biệt là mạng lưới ở cơ sở. Công tác gia đình được chuyển giao sang ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhưng không lực lượng cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em tại địa phương được chuyển giao sang ngành Y tế là một thách thức lớn về nguồn nhân lực đối với công tác gia đình ở cộng đồng. Theo báo cáo của Bộ Y tế tại Tờ trình Chính phủ thì số cộng tác viên dân số tính đến năm 2025 là 136.872 người (Bộ Y tế, 2026). Vì vậy, việc sử dụng đội ngũ công tác viên này kiêm thêm công tác gia đình là nguồn lực to lớn để khắc phục bất cập nêu trên. Để củng cố cơ sở pháp lý, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các quy định khuyến khích, cho phép sử dụng đội ngũ cộng tác viên dân số tham gia kiêm nhiệm công tác gia đình và PCBLGD (Quốc hội, 2022; Chính phủ, 2023). Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang khẩn trương phối hợp với Bộ Y tế xây dựng chương trình phối hợp cụ thể nhằm tối ưu hóa và huy động lại nguồn lực có sẵn này.

Bên cạnh sự thiếu hụt mạng lưới cộng tác viên, chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách hiện nay đang đối mặt với thách thức lớn về năng lực và kinh nghiệm thực tiễn. Quá trình sáp nhập bộ máy và chuẩn hóa công chức đã khiến một bộ phận lớn người làm công tác gia đình giàu kinh nghiệm ở cả cấp tỉnh và cấp xã nghỉ việc hoặc chuyển công tác. Hệ quả là đội ngũ công chức mới thay thế dù đạt chuẩn hóa cao hơn về trình độ nhưng lại thiếu hụt về kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm xử lý các vấn đề đặc thù có tính nhạy cảm như giáo dục đời sống gia đình hay PCBLGD.

Thực trạng trên khiến cho đội ngũ nhân lực vốn đã mỏng, yếu và kiêm nhiệm trong thực hiện công tác gia đình trở thành “điểm nghẽn” lớn nhất của công tác gia đình hiện nay. Mặc dù hằng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho người làm công tác gia đình thuộc các bộ, ngành, địa phương, song nỗ lực này chưa thể bù đắp được khoảng trống năng lực chuyên môn ở cấp cơ sở. Việc công chức cấp xã phải kiêm nhiệm quá nhiều đầu việc, thường xuyên luân chuyển vị trí kết hợp với sự thiếu vắng một mạng lưới cộng tác viên rộng khắp tại địa bàn dân cư đã làm suy giảm đáng kể khả năng nắm bắt tình hình, tuyên truyền, can thiệp sớm cũng như xử lý các khủng hoảng tâm lý - xã hội phức tạp phát sinh trong đời sống gia đình hiện nay.

4. Những vấn đề mới, cấp thiết đặt ra đối với công tác gia đình hiện nay

4.1. Yêu cầu đổi mới phương thức tiếp cận, quản lý

Ngày 07/01/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW “Về phát triển văn hóa Việt Nam”, kế thừa quan điểm Đại hội Đảng lần thứ XIII. Nghị quyết đã đặt hệ giá trị gia đình song hành với ba hệ giá trị nền tảng (hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam) tạo thành một chỉnh thể đồng bộ và thống nhất. Điều này khẳng định gia đình không chỉ dừng ở vai trò “tế bào của xã hội” mà đã trở thành nền tảng trực tiếp vun đắp chuẩn mực con người, bảo tồn, phát huy các giá trị cốt lõi của quốc gia. Định hướng chính trị này mở ra không gian phát triển lớn nhưng cũng đặt ra những yêu cầu thay đổi căn bản về mặt tư duy QLNN đối với công tác gia đình hiện nay.

Bối cảnh trên đòi hỏi công tác gia đình không chỉ phải vượt ra khỏi tư duy quản lý hành chính đơn thuần mà phải chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình quản trị phát triển gia đình bền vững, lấy gia đình làm trung tâm của mọi chính sách an sinh. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số, gia đình không chỉ thực hiện chức năng tái sản xuất lao động và nuôi dưỡng, mà đã trở thành không gian trực tiếp chịu tác động, đồng thời định hình năng lực thích ứng văn hóa, đạo đức của mỗi cá nhân. Do đó, đích đến của QLNN không còn là giải quyết các khủng hoảng xã hội như xử lý vụ việc BLGD, ly hôn mà phải là kiến tạo môi trường văn hóa gia đình lành mạnh, củng cố các mối quan hệ tiến bộ, hạnh phúc và tăng cường năng lực tự phòng ngừa trước các nguy cơ xâm hại từ môi trường mạng và đời sống hiện đại.

Đặc biệt, yêu cầu đổi mới phương thức quản lý càng trở nên cấp bách khi Việt Nam chuyển dịch sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã. Mặt khác, chính sách về gia đình hiện nay không thể vận hành độc lập theo cơ chế ngành dọc mà bắt buộc phải lồng ghép trong tổng thể các chương trình an sinh xã hội, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi và quản trị không gian số vốn đang quy về một mối quản lý của phòng chuyên môn cấp xã. Sự thay đổi cấu trúc mang tính lịch sử này buộc cơ quan QLNN phải thay đổi căn bản phương thức vận hành: chuyển từ quản lý định tính, phân tán nguồn lực sang quản trị dựa trên dữ liệu tích hợp và bằng chứng; đồng thời tối ưu hóa cơ chế phối hợp đa ngành tại cơ sở nhằm thích ứng linh hoạt với những xung đột, biến đổi giá trị gia đình đang diễn ra sâu sắc tại các địa bàn dân cư hiện nay.

4.2. Gia tăng các vấn đề xã hội trong gia đình

Quá trình chuyển đổi, giao thoa các giá trị gia đình giữa cũ - mới, truyền thống - hiện đại đã và đang xảy ra những xung đột nhất định. Các gia đình hiện đại đang phải chịu những áp lực kinh tế khiến cho quỹ thời gian để quan tâm, chăm sóc đến con cái bị thu hẹp. Thậm chí, một số gia đình còn “khoán” việc giáo dục nhân cách, lối sống của con mình cho nhà trường và xã hội.

Bên cạnh đó, giới trẻ thường xuyên tiếp xúc với những lối sống, hành vi ứng xử chưa văn minh (đặc biệt là trên môi trường mạng Internet) dẫn đến nhiều hệ quả trực tiếp. Theo thống kê của Tòa án Nhân dân tối cao, từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025, các Tòa án đã thụ lý 405.481 vụ án ly hôn theo thủ tục sơ thẩm, trong đó có tới 341.692 vụ ly hôn được xác định có nguyên nhân xuất phát từ BLGD (chiếm 92,7%)

(Chính phủ, 2025). Đáng chú ý, ly hôn xảy ra nhiều hơn ở khu vực đô thị (Thị, T. T. M, 2021), nơi gia đình thường đối mặt với khó khăn nhiều hơn trong việc áp lực về thu nhập thấp so với chi phí sinh hoạt cao, cân bằng giữa công việc, chăm sóc con cái. Bên cạnh đó, số liệu tổng hợp giai đoạn 2023-2024 cho thấy, khoảng 4.000 người có hành vi BLGD đã được góp ý phê bình trong cộng đồng dân cư; khoảng 300 người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; hơn 400 người bị xử phạt hành chính và khoảng 240 người bị xử lý hình sự. Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025, Tòa án Nhân dân các cấp đã thụ lý 32 vụ án với 73 bị cáo liên quan các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, dữ liệu này đã phản ánh tính nghiêm trọng của một số vụ BLGD và sự vào cuộc của hệ thống tư pháp (Chính phủ, 2025).

Thực trạng trên đặt ra những thách thức đối với công tác gia đình hiện nay. Nguy cơ suy giảm các giá trị gia đình Việt Nam sẽ ngày càng rõ nét nếu không có những giải pháp đồng bộ, kịp thời nhằm củng cố chức năng giáo dục, chăm sóc và bảo vệ của gia đình; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng ứng xử trong gia đình; đồng thời nâng cao hiệu quả PCBLGD và quản lý môi trường văn hóa trên môi trường mạng. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của con người mà còn tác động tiêu cực đến sự ổn định xã hội, chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

4.3. Thách thức từ chuyển đổi số

Chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi sâu sắc phương thức giao tiếp, tương tác và tổ chức đời sống gia đình. Việc phổ biến các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối thông tin (Lê Trần Hoàng Duy và cộng sự, 2017) nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm sự gắn kết trực tiếp giữa các thành viên trong gia đình (Valentina MARINESCU và cộng sự, 2023). Tình trạng “giao tiếp ảo” lấn át “giao tiếp thực” có thể dẫn đến khoảng cách thế hệ, thiếu chia sẻ và thấu hiểu trong nội bộ gia đình. Đồng thời, việc tiếp cận thông tin không kiểm soát, đặc biệt đối với trẻ em và thanh thiếu niên, có thể tác động tiêu cực đến nhận thức, hành vi và hệ giá trị gia đình truyền thống. Cuộc cách mạng công nghiệp số đang đặt ra những vấn đề mới đối với QLNN về gia đình, như: sự xuất hiện của các dạng bạo lực, xâm hại mới trong môi trường số; công tác QLNN về gia đình chưa theo kịp thực tiễn chuyển đổi số; v.v... Những thách thức nêu trên đặt ra cho công tác gia đình nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản lý, đồng thời đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số cho các thành viên gia đình nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới.

5. Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác gia đình trong bối cảnh mới

Trước những biến đổi sâu sắc của đời sống kinh tế - xã hội, quá trình chuyển đổi số và yêu cầu triển khai Chỉ thị 06-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, công tác gia đình cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới tư duy quản lý và tổ chức thực hiện theo hướng hiện đại, tích hợp, liên ngành và lấy gia đình làm trung tâm của phát triển bền vững. Các chính sách về gia đình phải hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, chú trọng đến đối tượng trẻ em và người bệnh tật, cao tuổi (Ban Bí thư, 2021). Trên cơ sở những vấn đề đặt ra từ thực tiễn, cần tập trung vào một số định hướng và giải pháp chủ yếu sau:

5.1. Đổi mới tư duy QLNN về gia đình theo hướng tích hợp và phát triển bền vững

Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam xác định hệ giá trị gia đình là một trong bốn hệ giá trị nền tảng trong phát triển văn hóa, đòi hỏi công tác gia đình phải chuyển từ cách tiếp cận đơn ngành sang tiếp cận đa ngành, đặt gia đình trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển văn hóa, phát triển con người và an sinh xã hội. Theo đó, QLNN không chỉ hướng đến giải quyết các vấn đề phát sinh mà cần chủ động kiến tạo môi trường để gia đình thực hiện tốt chức năng giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và truyền thụ các giá trị văn hóa.

Đồng thời, cần đổi mới phương thức quản lý từ tiếp cận hành chính, định tính sang quản trị dựa trên bằng chứng và dữ liệu; tăng cường nghiên cứu, dự báo xu hướng biến đổi gia đình để kịp thời hoạch định chính sách phù hợp với từng nhóm dân cư và từng vùng, miền.

5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và cơ chế phối hợp liên ngành về gia đình

Trong bối cảnh các vấn đề của gia đình ngày càng có tính liên ngành, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về gia đình theo hướng đồng bộ, thống nhất và thích ứng với những biến đổi mới của xã hội. Trọng tâm là hoàn thiện các chính sách về PCBLGD; bảo vệ trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi và các nhóm dễ bị tổn thương; bổ sung các quy định điều chỉnh các hành vi xâm hại và bạo lực trên môi trường mạng.

Song song với đó, cần thể chế hóa mạnh mẽ cơ chế phối hợp giữa các ngành văn hóa, giáo dục, y tế, công an, tư pháp, nội vụ và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát, phản biện các chính sách về gia đình; khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực và chồng chéo trong quản lý.

5.3. Đổi mới tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả truyền thông, xây dựng mô hình

Công tác tổ chức thực hiện cần chuyển mạnh từ tuyên truyền theo phong trào sang truyền thông thay đổi hành vi, lấy người dân và gia đình làm trung tâm. Nội dung truyền thông cần gắn với việc xây dựng hệ giá trị gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử và kỹ năng số cho các thành viên gia đình, đặc biệt là thanh, thiếu niên.

Bên cạnh đó, tiếp tục củng cố và nhân rộng các mô hình xây dựng gia đình phát triển bền vững, mô hình PCBLGD, các địa chỉ tin cậy theo hướng chuẩn hóa tiêu chí hoạt động và đánh giá hiệu quả.

5.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác QLNN

Chuyển đổi số cần trở thành một trong những trụ cột của QLNN về công tác gia đình trong giai đoạn tới. Trọng tâm là xây dựng và vận hành hiệu quả cơ sở dữ liệu về gia đình và PCBLGD theo nguyên tắc “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác QLNN, dự báo và hoạch định chính sách.

Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác truyền thông, phát triển các nền tảng tư vấn, hỗ trợ trực tuyến; tăng cường giáo dục kỹ năng số, an toàn số và khả năng tự bảo vệ trên môi trường mạng cho các thành viên gia đình.

5.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về gia đình

Việc vận hành mô hình Phòng chuyên môn tại cấp xã từ sau ngày 01/7/2025 đòi hỏi

phải thay đổi chiến lược phát triển nguồn nhân lực công tác gia đình tại cơ sở. Xây dựng đội ngũ công chức đáp ứng yêu cầu một người đảm nhận nhiều việc và một việc chỉ giao cho một đầu mối để giám sát chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm sự thông suốt trong mô hình cơ quan tích hợp như Phòng Văn hóa - Xã hội hiện nay. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần phải có chính sách đặc thù cho công chức thuộc Phòng chuyên môn cấp xã, trong đó chú trọng đào tạo kỹ năng điều phối liên ngành, xử lý khủng hoảng tâm lý - xã hội rủi ro cao (BLGD, xâm hại trẻ em) và năng lực ứng dụng dữ liệu số. Đồng thời, cần có chính sách đãi ngộ nhằm thu hút chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn tham gia công tác gia đình, bảo đảm tính liên tục, không bị đứt đoạn do biến động nhân sự.

6. Kết luận

Nghiên cứu về thực trạng công tác gia đình cho thấy, sau gần 25 năm hình thành và phát triển, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về công tác gia đình đã từng bước được hoàn thiện cả về thể chế, tổ chức bộ máy và cơ chế triển khai thực hiện, góp phần quan trọng trong xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Tuy nhiên, trước những biến đổi sâu sắc của xã hội, sự gia tăng các vấn đề xã hội trong gia đình và tác động mạnh mẽ của chuyển đổi số, công tác gia đình vẫn bộc lộ nhiều hạn chế về nguồn lực, cơ chế phối hợp, năng lực đội ngũ cán bộ và khả năng thích ứng với bối cảnh mới. Thực tiễn đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới tư duy quản lý theo hướng tích hợp, liên ngành và hiện đại; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật; tăng cường giáo dục hệ giá trị gia đình; nâng cao hiệu quả PCBLGD; đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực làm công tác gia đình. Đây là những yêu cầu có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực công tác gia đình, góp phần xây dựng con người Việt Nam và phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư. (24/6/2021). *Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới* (Số: 06-CT/TW).
2. Bộ Chính trị. (07/01/2026). *Nghị quyết về phát triển văn hóa Việt Nam* (Số: 80-NQ/TW).
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2024). *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ về công tác gia đình*.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2025). *Công văn về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác gia đình và hướng dẫn triển khai công tác gia đình năm 2026* (Số: 4602/BVHTTDL-VHCSGĐTV).
5. Bộ Y tế. (2026). *Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số điều Luật Dân số năm 2025*.
6. Chính phủ. (03/01/2013). *Nghị định quy định về công tác gia đình* (Số: 02/2013/NĐ-CP).
7. Chính phủ. (21/11/2023). *Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 76/2023/NĐ-CP).
8. Chính phủ. (28/2/2025). *Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* (Số: 43/2025/NĐ-CP).
9. Chính phủ. (21/5/2025). *Nghị định Quy định Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 110/2025/NĐ-CP).

10. Chính phủ. (30/10/2025). *Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 282/2025/NĐ-CP).
11. Chính phủ. (2025). *Báo cáo về kết quả 02 năm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 706/BC-CP).
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
13. Đảng ủy Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (13/02/2026). *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới* (Số: 106-BC/ĐU).
14. Lê Trần Hoàng Duy, Nguyễn Hoàng Anh Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Giàu & Phạm Văn Sỹ. (2017). *Hoạt động giao tiếp và việc sử dụng thiết bị công nghệ trong một số gia đình Việt Nam*.
15. Marinescu, V., Le, T. K. D., & Nguyen, T. M. (2023). Parental Purposes for Using the Internet and Their Influences on Parent-Child Communication in the Vietnamese Family. *Anthropological Researches and Studies*, (13), 136-151. <https://doi.org/10.26758/13.1.9>
16. Quốc hội. (19/6/2014). *Luật Hôn nhân và Gia đình* (Số: 52/2014/QH13).
17. Quốc hội. (14/11/2022). *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 13/2022/QH15).
18. Tham luận trình bày tại Hội thảo khoa học *Tâm lý học và sự phát triển con người trong thời kỳ Cách mạng Công nghệ 4.0 (Psychology and Human Development in the Era of the Fourth Industrial Revolution)*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
19. Thi, T. T. M. (2021). Complex transformation of divorce in Vietnam under the forces of modernization and individualism. *International Journal of Asian Studies*, 18, 225-245. <https://doi.org/10.1017/S1479591421000024>
20. Thủ tướng Chính phủ. (30/12/2021). *Quyết định Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030* (Số: 2238/QĐ-TTg).
21. Thủ tướng Chính phủ. (19/01/2022). *Quyết định Phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030* (Số: 96/QĐ-TTg).
22. Thủ tướng Chính phủ. (18/5/2024). *Quyết định Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* (Số: 428/QĐ-TTg).
23. Marinescu, Valentina, Le, Thi Kim Dung, and Nguyen, Thi Mai. (2023). Parental Purposes for Using the Internet and Their Influences on Parent-Child Communication in the Vietnamese Family. *Anthropological Researches and Studies*, No. 13, pp. 137-151. <https://doi.org/10.26758/13.1.9>